

Số: 165/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Phước Bình đoạn từ QL51 đến khu công nghiệp Phước Bình tại xã Phước Bình và xã Phước Thái huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Trên cơ sở Văn bản thẩm định số 7430/STC-HĐTĐGD ngày 25/12/2019 của Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh về việc thẩm định phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Phước Bình đoạn từ QL51 đến khu công nghiệp Phước Bình tại xã Phước Bình và xã Phước Thái, huyện Long Thành;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 1420/TTr-STNMT ngày 30/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Phước Bình đoạn từ QL51 đến khu công



nghiệp Phước Bình tại xã Phước Bình và xã Phước Thái huyện Long Thành, với nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá:

a) Mục đích định giá đất: Để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Diện tích định giá: Khoảng 43.778,1m² tại xã Phước Bình và xã Phước Thái, huyện Long Thành.

c) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp và đất ở.

d) Vị trí, ranh giới khu đất được giới hạn theo Tờ Trích lục và đo chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất số 751, 753, 754, 755, 756, 757, 758, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Thành thực hiện ngày 24/01/2018, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh kiểm tra nội nghiệp ngày 24/01/2018.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất:

Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Phước Bình đoạn từ QL51 đến khu công nghiệp Phước Bình tại xã Phước Bình và xã Phước Thái huyện Long Thành như sau:

Stt	Loại đất	Đường (Xã)	Vị trí	Giá đất định giá (đồng/m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Xã Phước Bình			
1	Đoạn từ QL51 đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 34.			
1.1	Đất ở nông thôn.	Đường QL51	1	12.885.000
		Đường vào UBND xã Phước Bình	1	12.885.000
1.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Bình	2	1.695.000
2	Đoạn từ thửa đất số 26 tờ bản đồ số 34 đến hết thửa đất số 8 tờ bản đồ số 34.			
2.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	10.737.000
2.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Bình	2	1.205.000
3	Đoạn từ thửa đất số 8 tờ bản đồ số 34 đến hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 36			

Stt	Loại đất	Đường (Xã)	Vị trí	Giá đất định giá (đồng/m ²)
3.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	7.174.000
3.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS).	xã Phước Bình	2	1.043.000
4	Đoạn từ thửa đất số 29 tờ bản đồ số 36 đến Cầu Vạc.			
4.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	5.686.000
4.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Bình	2	949.000
5	Đoạn từ Cầu vạc đến trạm y tế Phước Bình.			
5.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	4.404.000
5.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Bình	2	750.000
6	Đoạn tiếp theo từ trạm y tế Phước Bình đến hết thửa đất số 198 tờ bản đồ số 29 hoặc hết thửa đất số 37 tờ bản đồ số 30.			
6.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	6.047.000
6.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Bình	2	1.117.000
7	Đoạn còn lại.			
7.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	4.400.000
7.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Bình	2	753.000
B	Xã Phước Thái			
1	Đoạn từ QL51 đến hết thửa đất số 42 tờ bản đồ số 113.			
1.1	Đất ở nông thôn.	Đường QL51	1	12.885.000
		Đường vào UBND xã Phước Bình	1	12.885.000
1.2	Đất nông nghiệp	xã Phước Thái	2	1.695.000



Stt	Loại đất	Đường (Xã)	Vị trí	Giá đất định giá (đồng/m ²)
	(BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)			
2	Đoạn từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 113 đến nghĩa trang Phước Thái.			
2.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	10.737.000
2.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Thái	2	1.205.000
3	Đoạn từ nghĩa trang Phước Thái đến hết xã			
3.1	Đất ở nông thôn.	Đường vào UBND xã Phước Bình	1	7.174.000
3.2	Đất nông nghiệp (BHK, CLN, RSX, LUK, NTS)	xã Phước Thái	2	1.043.000

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, UBND huyện Long Thành chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Long Thành tính toán lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành, Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện Long Thành, UBND xã Phước Bình, UBND xã Phước Thái và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (Đức).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng